

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: Mua vật tư hàng hoá, sắt thép các loại phục vụ sản xuất năm 2026
(GT07) thuộc kế hoạch mua vật tư hàng hoá, sắt thép các loại
phục vụ sản xuất năm 2026

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ Quyết định số 5926/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV 397 thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hoá, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty cổ phần 397;

Căn cứ Quyết định số 2229/QĐ-CTCP397 ngày 01/11/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-CTCP397 ngày 29/12/2025 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 “Về việc phê duyệt kế hoạch Mua vật tư hàng hoá, sắt thép các loại phục vụ sản xuất năm 2026”;

Căn cứ Dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư hàng hoá, sắt thép các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT07) thuộc kế hoạch Mua vật tư hàng hoá, sắt thép các loại phục vụ sản xuất năm 2026 do phòng CĐVT lập ngày 30/12/2025;

Căn cứ Tờ trình ngày 30/12/2025 của Phòng CĐVT về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư hàng hoá, sắt thép các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT07) thuộc kế hoạch Mua vật tư hàng hoá, sắt thép các loại phục vụ sản xuất năm 2026;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 05/01/2026 của Tổ thẩm định dự toán và KHLCNT về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư hàng hoá, sắt thép các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT07) thuộc kế hoạch Mua vật tư hàng hoá, sắt thép các loại phục vụ sản xuất năm 2026.

Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Cơ điện vận tải Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư hàng hoá, sắt thép các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT07) thuộc kế hoạch Mua vật tư hàng hoá, sắt thép các loại phục vụ sản xuất năm 2026, với nội dung cụ thể như sau:

1. Dự toán:

- Tên hạng mục công việc: Mua vật tư hàng hoá, sắt thép các loại phục vụ sản xuất năm 2026.

- Tên đơn vị chủ quản: Công ty cổ phần 397; Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1, Phường Mạo Khê, Tỉnh Quảng Ninh.

- Giá trị dự toán: **5.222.808.800 đồng.**

Bằng chữ: (Năm tỷ, hai trăm hai mươi hai triệu, tám trăm linh tám nghìn, tám trăm đồng). Đã bao gồm thuế VAT.

- Đơn vị lập dự toán: Phòng Cơ điện Vận tải.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công cổ phần 397.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu: Mua vật tư hàng hoá, sắt thép các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT07).

- Giá trị gói thầu: **5.222.808.800 đồng.**

Bằng chữ: (Năm tỷ, hai trăm hai mươi hai triệu, tám trăm linh tám nghìn, tám trăm đồng). Đã bao gồm thuế VAT.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công cổ phần 397.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 30 ngày.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 1 năm 2026.


- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 343 ngày

- Tùy chọn mua thêm: Không.

- Giám sát đấu thầu: Không.

Điều 2. Giao Tổ chuyên gia, tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐQT (b/c);
- PGĐ Huyện (c/đ);
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, CĐVT. K04.



GIÁM ĐỐC

Kiều Văn Sính

Phụ lục

BẢNG KHỐI LƯỢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định phê duyệt số 127./QĐ-CTCP397 ngày 05/01./2026 của Công ty cổ phần 397)

TT	Tên hàng hóa/ quy cách hàng hóa	Đvt	Số lượng	Đơn Giá	Thành tiền trước thuế (Đồng)	Thuế VAT	Thành tiền sau VAT (Đồng)
1	Cửa đi nhôm kính	m ²	30	2.522.000	75.660.000	10%	83.226.000
2	Cửa sổ nhôm kính	m ²	30	2.522.000	75.660.000	10%	83.226.000
3	Vách nhôm kính	m ²	40	2.522.000	100.880.000	10%	110.968.000
4	Dây thép buộc 2 ly	Kg	300	38.000	11.400.000	10%	12.540.000
5	Dây thép buộc 3 ly	Kg	400	38.000	15.200.000	10%	16.720.000
6	Dây thép buộc 4 ly	Kg	400	38.000	15.200.000	10%	16.720.000
7	Dây thép gai sợi 3 ly	Kg	1000	38.000	38.000.000	10%	41.800.000
8	Lưới B40 sợi 4 ly	Kg	2000	38.000	76.000.000	10%	83.600.000
9	Thép tròn Φ 6	Kg	500	20.000	10.000.000	10%	11.000.000
10	Thép tròn Φ 8	Kg	1000	20.000	20.000.000	10%	22.000.000
11	Thép cây 10	Kg	650	20.000	13.000.000	10%	14.300.000
12	Thép cây 12	Kg	1000	20.000	20.000.000	10%	22.000.000
13	Thép cây 14	Kg	1000	20.000	20.000.000	10%	22.000.000
14	Thép cây 16	Kg	1000	20.000	20.000.000	10%	22.000.000
15	Thép cây 18	Kg	1000	20.000	20.000.000	10%	22.000.000
16	Thép cây 20	Kg	1000	20.000	20.000.000	10%	22.000.000
17	Thép cây 22	Kg	2000	20.000	40.000.000	10%	44.000.000
18	Thép góc L30	Kg	1500	29.000	43.500.000	10%	47.850.000
19	Thép góc L40	Kg	1500	29.000	43.500.000	10%	47.850.000
20	Thép góc L50	Kg	2500	29.000	72.500.000	10%	79.750.000
21	Thép góc L63	Kg	2000	29.000	58.000.000	10%	63.800.000
22	Thép góc L70	Kg	4500	29.000	130.500.000	10%	143.550.000
23	Thép hình U100	Kg	2500	29.000	72.500.000	10%	79.750.000
24	Thép hình U120	Kg	2500	29.000	72.500.000	10%	79.750.000
25	Thép hình U150	Kg	3000	29.000	87.000.000	10%	95.700.000
26	Thép hình U200	Kg	3000	29.000	87.000.000	10%	95.700.000
27	Thép hộp đen	Kg	2000	29.000	58.000.000	10%	63.800.000
28	Thép hộp mạ kẽm	Kg	3000	30.000	90.000.000	10%	99.000.000
29	Thép ống mạ kẽm	Kg	2500	30.000	75.000.000	10%	82.500.000
30	Thép tấm mạ kẽm	Kg	3000	30.000	90.000.000	10%	99.000.000
31	Thép tấm 3 ly	Kg	1500	27.000	40.500.000	10%	44.550.000
32	Thép tấm 4 ly	Kg	1500	27.000	40.500.000	10%	44.550.000
33	Thép tấm 5 ly	Kg	3000	27.000	81.000.000	10%	89.100.000
34	Thép tấm 6 ly	Kg	3000	27.000	81.000.000	10%	89.100.000

35	Thép tấm 8 ly	Kg	4000	27.000	108.000.000	10%	118.800.000
36	Thép tấm 10 ly	Kg	5000	27.000	135.000.000	10%	148.500.000
37	Thép tấm chống trượt 2 ly	Kg	1000	30.000	30.000.000	10%	33.000.000
38	Thép tấm chống trượt 3 ly	Kg	1000	30.000	30.000.000	10%	33.000.000
39	Thép tấm chống trượt 4 ly	Kg	2000	30.000	60.000.000	10%	66.000.000
40	Thép tấm chống trượt 5 ly	Kg	2500	30.000	75.000.000	10%	82.500.000
41	Thép tấm Q355 8 ly	Kg	3000	30.000	90.000.000	10%	99.000.000
42	Thép tấm Q355B 10 ly	Kg	3500	30.000	105.000.000	10%	115.500.000
43	Thép tấm Q355B 12 ly	Kg	10000	30.000	300.000.000	10%	330.000.000
44	Thép tấm Q355B 16 ly	Kg	20000	30.000	600.000.000	10%	660.000.000
45	Thép tấm Q355B 20 ly	Kg	5000	30.000	150.000.000	10%	165.000.000
46	Thép tấm Q355B 30 ly	Kg	5000	30.000	150.000.000	10%	165.000.000
47	Thép tròn D50x6000-C45	Kg	3000	28.000	84.000.000	10%	92.400.000
48	Thép vuông	Kg	2000	27.000	54.000.000	10%	59.400.000
49	Tôn 1 lớp 6 sóng	m2	700	156.000	109.200.000	10%	120.120.000
50	TONMAT 1 lớp 11 sóng	m ²	800	141.000	112.800.000	10%	124.080.000
51	Nóc 400	Md	300	104.000	31.200.000	10%	34.320.000
52	Nóc 600	Md	300	106.000	31.800.000	10%	34.980.000
53	Tôn xốp cách nhiệt	m ²	800	175.000	140.000.000	10%	154.000.000
54	Tấm Ilox 1,5 ly	Kg	500	127.000	63.500.000	10%	69.850.000
55	Tấm Ilox 2 ly	Kg	500	127.000	63.500.000	10%	69.850.000
56	Tấm Ilox 2,5 ly	Kg	1000	127.000	127.000.000	10%	139.700.000
57	Tấm Ilox 3 ly	Kg	1500	127.000	190.500.000	10%	209.550.000
58	Que hàn (que hàn thường từ 2-4 ly)	Kg	200	35.000	7.000.000	10%	7.700.000
59	Tấm nhựa lấy sáng	M2	350	131.000	45.850.000	8%	49.518.000
60	Xi măng	Tấn	10	1.701.000	17.010.000	8%	18.370.800
61	Vít bắn tôn	Kg	250	101.000	25.250.000	8%	27.270.000
	Tổng giá trị dự toán trước thuế					4.749.610.000	
	Tổng giá trị dự toán sau thuế						5.222.808.800

Phụ lục

BẢNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số *At.* /QĐ-CTCP397 ngày *As* tháng *At.* năm 2025 của Công ty cổ phần 397)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tuỳ chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt nội dung công việc										
1	Công ty cổ phần 397	Gói thầu: Mua vật tư hàng hoá, sắt thép các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT07)	Mua vật tư hàng hoá, sắt thép các loại phục vụ sản xuất năm 2026	5.222.808.800 đồng	Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần 397	Chào hàng cạnh tranh	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	30 ngày	Tháng 1 năm 2026	Theo đơn giá cố định	343 ngày	Không	Không

Bảng chữ: Năm tỷ, hai trăm hai mươi hai triệu, tám trăm linh tám nghìn, tám trăm đồng./.